

Bản án số: 111/2021/DS-PT

Ngày: 12/3/2021

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 815/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1933; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 26/6/2002; địa chỉ: Tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Trần Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Ông Phan Văn V; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1954. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1982. Có mặt

3. Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt

4. Cháu Võ Nguyễn Hoàng U, sinh năm 2005. Vắng mặt

5. Cháu Võ Nguyễn Hoàng G, sinh năm 2010. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cháu Võ Nguyễn Hoàng U và cháu Võ Nguyễn Hoàng G có chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Võ Tấn Đ, là cha mẹ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, anh Đ: Chị Nguyễn Thị Hồng T. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh T - Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt

7. Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người làm chứng:** Ông Phan Văn P; địa chỉ: Tổ dân phố T 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 06/07/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/8/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn S (chết năm 2011) có 05 người con gồm: Bà Trần Thị N, ông Trần Thanh N, ông Trần Văn H, ông Trần N, bà Trần Thị Ngọc A (chết năm 2016 không có chồng, con).

Năm 1991, bà Trần Thị Ngọc A có mua của bà Thái Thị T và ông Phạm Bá Đ một thửa đất, sau khi mua đất năm 1998 bà A làm một căn nhà cấp IV diện tích xây dựng khoảng 90m² để ở; năm 2006 bà A làm thủ tục kê khai, đăng ký được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số H 00612, thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27, diện tích 159m² vào ngày 8/11/2006. Năm 2016 do bị bệnh bà A chết, gia đình lo tang lễ cho bà A xong, bà Q dọn dẹp ngôi nhà của bà A nhưng không tìm thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thị xã Đ cấp cho bà A.

Đến cuối năm 2018 (dịp tết nguyên đán năm 2018), ông Trần Văn H thông báo cho mọi người trong gia đình biết bà Trần Thị Ngọc A đã lập di chúc để thừa kế lại ngôi nhà cấp IV và thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27, diện tích 159 m² cho cháu Trần Văn T (con của ông Trần Văn H và bà Phan Thị Đ) được UBND xã P (nay là phường P) chứng thực vào ngày 03/5/2012. Lúc này cả gia đình bà Q mới biết việc bà A lập di chúc để lại nhà và đất cho cháu Trần Văn T. Bà Q không chấp nhận, bởi lẽ lúc còn sống giữa bà A và ông H không hợp tính,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lúc bà A ốm đau ông H không chăm sóc, nên việc bà A lập di chúc để lại tài sản cho cháu T là không có thật mà là do ông Trần Văn H tự chớ bà A đi lập di chúc trong lúc bà A bệnh không còn minh mẫn. Do vậy, bà yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất của bà Trần Thị Ngọc A cho bà Nguyễn Thị Q được hưởng. Vì bà Q là hàng thừa kế thứ nhất. Đối với yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 03/5/2012 vô hiệu, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị N, chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Võ Tấn Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Ngọc A, chia 1/4 diện tích đất, trên đất có nhà của chị T, anh Đ (con bà N), thì bà N, chị T, anh Đ phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá chứng thư thẩm định giá ngày 13/6/2019 cho bà Q.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 29/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 06/06/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện hợp pháp của anh T và anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ huyết thống đúng như người đại diện hợp pháp của bà Q trình bày.

Năm 2016 bà Trần Thị Ngọc A chết, trước khi bà A chết, bà A đưa cho anh T cất giữ một tờ di chúc và một GCNQSDĐ. Nội dung di chúc để lại cho anh Trần Văn T một thửa đất 359, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và ngôi nhà cấp IV gắn liền với thửa đất. Di chúc được lập có chữ ký và dấu vân tay điểm chỉ của bà A nên đây là di chúc hợp pháp. Do vậy, anh không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của người liên quan bà Trần Thị N về việc hủy GCNQSDĐ và được chia 1/2 diện tích đất phía Bắc thửa đất 359, tờ bản đồ số 27 phường P, anh không chấp nhận vì bà N không có chứng cứ chứng minh bà N được quyền sử dụng 1/2 thửa đất trên.

Đối với căn nhà của chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ xây dựng trên thửa đất, anh yêu cầu vợ chồng chị T, anh Đ phải tháo dỡ để trả lại đất cho anh Trần Văn T.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 18/7/2019, đơn khởi kiện phản tố bổ sung ngày 22/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày:

Năm 1998, bà nhận chuyển nhượng một thửa đất của ông Phạm Bá Đ và bà Thái Thị T, hai bên có lập giấy viết tay không công chứng hoặc chứng thực. Quá trình chung sống vì tình cảm chị em trong gia đình nên năm 2000, bà Trần Thị Ngọc A có giao cho bà một khoản tiền và yêu cầu bà chuyển nhượng lại 1/2 diện tích đất để bà A làm nhà ở và bà đồng ý, việc chuyển nhượng đất chỉ nói miệng hai bên không lập giấy tờ gì. Đến năm 2006, bà cùng bà A làm thủ tục kê khai, đăng ký và được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27, diện tích 159m² đứng tên bà Trần Thị Ngọc A. Đến

năm 2010, bà cho 1/2 diện tích đất trong thửa đất 359 cho anh Võ Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Hồng T xây dựng nhà ở và buôn bán (việc bà cho đất anh Đ, chị T chỉ nói miệng không lập giấy tờ). Việc bà Trần Thị Ngọc A lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất tại thửa đất 359, tờ bản đồ số 27 và căn nhà gắn liền trên đất cho Trần Văn T (con của ông Trần Văn H) là trái pháp luật, không được sự đồng ý của người liên quan. Do vậy, bà yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND thị xã Đ cấp cho bà A, chia cho bà được nhận 1/2 diện tích đất tại thửa đất 359, tờ bản đồ số 27, trên đất có căn nhà của chị T, anh Đ.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2019, bản tự khai ngày 02/7/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ trình bày:

Anh Đ, chị T là con trai và con dâu của bà Trần Thị N. Năm 2010, được sự đồng ý của bà Trần Thị N và bà Trần Thị Ngọc A cho anh Đ, chị T xây nhà trên thửa đất 359, tờ bản đồ số 27 do bà A đứng tên trong GCNQSDĐ để ở và buôn bán, khi xây dựng nhà bà A biết và không ý kiến gì. Diện tích đất anh Đ, chị T xây dựng nhà là của bà Trần Thị N mua của ông Đ, bà T vào năm 1998. Nay anh Đ, chị T yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND thị xã Đ cấp cho bà A, chia cho bà N được nhận 1/2 diện tích đất tại thửa đất 359, tờ bản đồ số 27, trên đất có căn nhà của chị T, anh Đ. Đối với tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà Q với anh T đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của bà A chết để lại là quyền sử dụng đất, trên diện tích đất có ngôi nhà của anh, chị cho đồng thừa kế nào được hưởng thì anh, chị xin nhận đất và hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho đồng thừa kế đó theo giá tại chứng thư thẩm định giá. Vì hiện tại anh, chị không có chỗ ở nào khác.

Tại văn bản số 213/UBND ngày 21/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã P (nay là phường P), thị xã Đ trình bày: Ngày 05/03/2012, bà Trần Thị Ngọc A có đến UBND phường P yêu cầu ký chứng thực di chúc. Tại thời điểm chứng thực, bà Trần Thị Ngọc A hoàn toàn minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, sau khi bà A đọc lại bản di chúc đã đồng ý điểm chỉ và ghi tên vào bản di chúc. Qua kiểm tra nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên UBND phường P chứng thực vào bản di chúc của bà A là đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 142/UBND ngày 17/01/2020 và văn bản số 2274/UBND ngày 11/8/2020 của UBND thị xã Đ cung cấp thông tin cho Tòa án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Ngọc A có số phát hành AI 389489, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H.00612 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 08/11/2006, hiện nay UBND thị xã Đ chưa có Quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ nên là hợp pháp. Do vậy, UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Ngọc A là có cơ sở.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, 157, 161, 165, 166, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 646, 647, 648, 649, 652, 653, 658, 667, 669 Bộ luật Dân sự năm 2005 (các Điều 624, 625, 626, 627, 630, 631, 636, 643, 644 Bộ luật Dân sự năm 2015);

- Căn cứ Điều 10, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (Điều 95, khoản 1 Điều 96, điểm c khoản 1 Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013);

- Căn cứ Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu tuyên bố di chúc bà Trần Thị Ngọc A lập được UBND phường P chứng thực ngày 03/5/2012 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị N, chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Võ Tấn Đ về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Đ cấp cho bà A ngày 08/11/2006 và trả lại 14 diện tích đất tại thửa đất 359, tờ bản đồ số 27 phường P, thị xã Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ tháo dỡ ngôi nhà trả lại đất cho anh T.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 162, m^2 , thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27 phường P, thị xã Đ, có giới cận phía Tây giáp đường bê tông; phía Đông giáp thửa đất số 377, tờ bản đồ số 27; phía Bắc giáp mương thoát nước; phía Nam giáp thửa đất 378, tờ bản đồ số 27 và ngôi nhà cấp 4 gắn liền trên đất của bà Trần Thị Ngọc A chết để lại cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T.

- Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Trần Thị Ngọc A chết để lại được chia thừa kế tính thành tiền là 406.467.110 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm mười đồng).

- Chia cho bà Nguyễn Thị Q được hưởng 02 kỷ phần thừa kế tương đương với giá trị thành tiền là 270.978.074 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng*); anh Trần Văn T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương với giá trị thành tiền là 135.489.037 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng*).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 87,1m², thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27 phường P, thị xã Đ (trong đó có 50m² đất ở nông thôn và 37,1m² đất trồng cây hàng năm khác) và ngôi nhà cấp 4 gắn liền trên đất (kí hiệu A), có giới cận phía Tây giáp đường bê tông; phía Đông giáp thửa đất số 377, tờ bản đồ số 27; phía Bắc giáp phần đất còn lại giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ; phía Nam giáp thửa đất số 378, tờ bản đồ số 27. Bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Trần Văn T giá trị 01 kỷ phần thừa kế được chia tương đương với số tiền là 135.489.037 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng*).

- Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ trực tiếp, quản lý sử dụng diện tích đất 75m², thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27 phường P, thị xã Đ (trong đó có 40m² đất ở nông thôn và 35m² đất trồng cây hàng năm khác) trên đất có ngôi nhà cấp 4 của anh Đ, chị T (kí hiệu B); có giới cận phía Tây giáp đường bê tông; phía Đông giáp thửa đất số 377, tờ bản đồ số 27; phía Bắc giáp nương thoát nước; phía Nam giáp diện tích đất được giao cho bà Nguyễn Thị Q. Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Võ Tấn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá chứng thư thẩm định giá tương đương với số tiền là 153.530.000 đồng (*một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Q.

Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không tách rời bản án.

Các bên đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Trần Văn T có đơn kháng cáo. Lý do kháng cáo anh T cho rằng bà Nguyễn Thị Q là người không biết chữ, tuổi cao sức yếu không còn minh mẫn, việc khởi kiện không phải là ý chí, nguyện vọng của bà Q, trình tự thủ tục làm đơn khởi kiện không đúng theo qui định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm không chia di sản của bà Trần Thị A Ngọc theo di chúc mà chia theo pháp luật là không đúng pháp luật và ý chí của bà A, anh T yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 20/01/2021 bà Nguyễn Thị Q là nguyên đơn, có Đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện, lý do rút đơn bà Q trình bày như sau: Do bà đã già yếu, không hiểu biết pháp luật để người ngoài xúi dục bà khởi kiện cháu nội của bà là anh Trần Văn T. Sau khi suy nghĩ lại bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xét xử. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu khởi kiện của bà nữa. Đồng thời bà cũng xin rút lại việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T thay mặt cho bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên kháng cáo, trường hợp bà Q rút yêu cầu khởi kiện thì anh T đồng ý, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên đã trực tiếp

hỏi bà Q về dấu điểm chỉ trong các đơn khởi kiện và các đơn rút lại yêu cầu khởi kiện nhưng bà Q trình bày bà không biết và cho rằng dấu điểm chỉ trong các đơn nói trên là không phải của bà Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên cho rằng quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Qua diễn biến và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng, bà Q cho rằng bà không biết các dấu vân tay điểm chỉ vào các đơn khởi kiện và các đơn rút lại yêu cầu khởi kiện là của ai, không phải là của bà Q. Xem xét quá trình thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thấy rằng: Ngày 06/7/2018 bà Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện, đến ngày 01/8/2018 bà Q có đơn khởi kiện bổ sung gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung các Đơn khởi kiện như sau: Yêu cầu tuyên bố Bản di chúc của chị Trần Thị Ngọc A lập ngày 03/5/2012 về việc để lại nhà, đất tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27, diện tích 159m² cho anh Trần Văn T là vô hiệu; đồng thời yêu cầu chia di sản là nhà đất nói trên cho bà được hưởng toàn bộ, ngày 13/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ có Thông báo số 253/ TB-TA về việc “*Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện*” nhưng không có nội dung yêu cầu người làm chứng ký vào đơn khởi kiện của bà Q, đến ngày 01/8/2018 bà Q có đơn khởi kiện bổ sung chỉ bổ sung thêm một số thông tin liên quan đến nhà đất nhưng cũng không có người làm chứng ký vào đơn, xem xét các Đơn khởi kiện nêu trên (Bút lục 26; 27 và 40; 41), Bà Q sinh năm 1933 (đến thời điểm khởi kiện năm 2018 là 85 tuổi), do không biết chữ và không thể tự làm đơn khởi kiện nhưng không có người làm chứng có đủ năng lực tố tụng dân sự ký vào đơn khởi kiện là không đúng với quy định của pháp luật, chưa đảm bảo về hình thức, nội dung đơn khởi kiện, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định như sau: “*Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này là người không biết chữ, ... người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, ... thì có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải có người có đủ năng lực tố tụng dân sự làm chứng. Người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện.*”

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án chưa có hiệu lực pháp luật, ngày 09/9/2020 bị đơn là anh Trần Văn T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng. Đến ngày

20/11/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận đơn của bà Nguyễn Thị Q xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà bà đã khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm, đồng thời rút lại sự ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T, nhưng với kết quả thẩm vấn tại phiên tòa như đã nêu trên thì Hội đồng xét xử không xác định được ý chí, nguyện vọng, quyền định đoạt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

Với những nhận định nêu trên, do quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí sơ thẩm, chi phí giám định, chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/ Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, “V/v tranh chấp di sản thừa kế” của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí sơ thẩm, chi phí giám định, chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Văn T không phải chịu án phí, trả lại 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006040 ngày 23/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi cho anh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi